

Bản án số 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HPT ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 62 Nại Hiên Đ, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn Th, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 62 Nại Hiên Đ, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2023, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Văn Th kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 62 Nại Hiên Đ, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống xảy ra nhiều khó khăn, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, hay cãi vã, ông Th nhậu nhẹt bê tha không chăm sóc vợ con và có hành vi bạo lực gia đình. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà không còn tình cảm với ông Th nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Văn Th.

- Về quan hệ con chung: Bà S xác nhận có hai con chung tên Đặng Lê Quốc B, sinh ngày 01/6/2004 và Đặng Lê Thu Th, sinh ngày 04/11/2010. Ly hôn, bà S yêu cầu được nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Lê Thu Th và yêu cầu ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2023. Đối với con Đặng Lê Quốc B đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

** Bị đơn ông Đặng Văn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Th vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S, xử cho bà Lê Thị S được ly hôn ông Đặng Văn Th. Giao con Đặng Lê Thu Th, sinh ngày 04/11/2010 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2023. Đối với con Đặng Lê Quốc B đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến. Về tài sản chung và nợ chung do bà S xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Lê Thị S với bị đơn ông Đặng Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Văn Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị S và ông Đặng Văn Th kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 185, ngày 08/12/2003). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, do đó đây là hôn nhân được đăng ký hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà S cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 62 Nại Hiền Đ, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng và trong quá trình chung sống thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống xảy ra nhiều khó khăn, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, hay cãi vã, ông Th nhậu nhẹt bê tha không chăm sóc vợ con và có hành vi bạo lực gia đình. Mặt khác qua xác minh tại nơi cư trú xác định bà S và ông Th có sinh sống tại địa phương và mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ, bà S nộp đơn ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật mà giải quyết; Mặc dù vẫn còn ở chung nhưng bà S và ông Th đã tự động sống ly thân phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, nhìn chung cuộc sống hôn nhân giữa bà S và ông Th không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không tham gia tố tụng tại phiên tòa để trình bày ý kiến điều đó thể hiện ông Th không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình, không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà S và ông Th đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, xử cho bà Lê Thị S được ly hôn với ông Đặng Văn Th là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà S xác định, bà và ông Đặng Văn Th có hai con chung tên Đặng Lê Quốc B, sinh ngày 01/6/2004 và Đặng Lê Thu Th, sinh ngày 04/11/2010. Ly hôn, bà S yêu cầu được nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đặng Lê Thu Th cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc giao con cho ai trông nom nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, nguyện vọng của cháu Đặng Lê Thu Th muốn ở với mẹ và hiện nay bà S là người đang nuôi dưỡng cháu, nghĩ nên không xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu, giao cháu cho bà S được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà S yêu cầu ông Đặng Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2023. HĐXX xét thấy, cha và mẹ đều có trách nhiệm và

nghĩa vụ đối với con chung, cháu Đặng Lê Thu Th đang ở độ tuổi ăn học cần nhiều chi phí để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu nên xét yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2023 của bà S là phù hợp.

Đối với con Đặng Lê Quốc B, sinh ngày 01/6/2004 đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không đề cập đến.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S xác nhận giữa bà và ông Th không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị S phải chịu là 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông Đặng Văn Th phải chịu 300.000 đồng.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Lê Thị S đối với ông Đặng Văn Th.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị S được ly hôn với ông Đặng Văn Th (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị S đối với ông Đặng Văn Th nên Giấy chứng nhận kết hôn số 185 do UBND phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/12/2003 không còn giá trị pháp lý*).

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Lê Thu Th, sinh ngày 04/11/2010 cho bà Lê Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đặng Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2023.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị S phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà S đã nộp tại biên lai thu số 0003650 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Đặng Văn Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Vũ